TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách
Ông Ninh Quốc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **17**/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1994; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã PT, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trương Thế N, sinh năm 1990; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trương Thế N tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương vào năm 2012 và đi đến hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Bù Gia Mập cũ (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 25/4/2012. Từ khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu nhưng từ tháng 8 năm

2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau dẫn đến đời sống vợ chồng gặp nhiều bất hòa và chúng tôi đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Vì vậy, nay bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với ông N.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống bà H và ông N có một người con chung là cháu Trương Thế S, sinh ngày 08/01/2013. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu S cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13-5-2019, bị đơn ông Trương Thế N trình bày:

Ông Trương Thế N với bà Lê Thị H kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Bù Gia Mập cũ (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 25/4/2012. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6-2018 đến nay. Nay ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông N nhất trí ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông N và bà H có với nhau một người con chung là cháu Trương Thế S, sinh ngày 08/01/2013. Khi ly hôn, ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2019, Đại diện Ủy ban nhân dân xã Phú Trung cung cấp như sau: Ông Trương Thế N và bà Lê Thị H là vợ chồng hợp pháp từ năm 2012 và sinh sống với nhau tại thôn Phú Bình, xã Phú Trung, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống tại địa phương ông N, bà H không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng ông N, bà H bắt đầu phát sinh mẫu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không có sự quan tâm lo lắng cho nhau dẫn đến đời sống vợ chồng có nhiều bất hòa nên ông N, bà H đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia

đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Thị H được ly hôn với bị đơn ông Trương Thế N.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trương Thế N theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Trương Thế N có nơi cư trú tại thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Tại phiên tòa ông Trương Thế N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt ông N là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Việc hôn nhân giữa bà H và ông N tự nguyện chung sống và lấy nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Bù Gia Mập cũ (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống đến tháng 6 năm 2018 vợ chồng bà Lê Thị H và ông Trương Thế N phát sinh mâu thuẫn và hiện tại thì vợ chồng bà Lê Thị H và ông Trương Thế N đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án ông N, bà H nhất trí ý ly hôn và qua xác minh tình trạng hôn nhân của ông N và bà H tại địa phương cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân như lời trình bày của bà H, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phân tích, giải thích, động viên, khuyên nhủ bà H nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà Lê Thị H và ông Trương Thế N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cũng đã sống ly thân từ giữa năm 2018 và không ai quan tâm đến ai, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy việc yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H và ông N đều có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét việc nuôi con chăm sóc con sau ly hôn là quyền lợi của người làm cha, làm mẹ. Việc giao con

cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, thu nhập và khả năng nuôi dạy con phát triển bình thường về thể chất và tinh thần về sau. Trong vụ án này cả bà H và ông N đều có yêu cầu nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông N không có mặt. Mặt khác, từ khi bà H, ông N sống ly thân cháu S sống với bà H và thực tế bà H vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng được cháu. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định về thể chất cũng như tinh thần của cháu S nên cần giao con chung là cháu Trương Thế S, sinh ngày 08/01/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trương Thế N.

2/ Về con chung: Giao cháu Trương Thế S, sinh ngày 08/01/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026924 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Quang Ninh

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *UBND xã Phú Trung;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*